

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN

HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2024 – 2025

Lần 01: Thực hiện từ ngày 05/09/2024

	Họ và tên	Chức vụ	Năm vào ngành		Chuyên môn đào tạo					Nhiệm vụ được phân công	Tổng số tiết/ tuần	Ghi chú (ngày nghỉ)
			Biên chế	Hợp đồng	CM theo bảng đào tạo chuẩn (CĐ)			CM theo bảng đào tạo trên chuẩn (ĐH)				
					CM 1	CM 2	CM 3	CM 1	CM 2			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Công Tuấn	HT	1993		Lý			Lý		GD TLVN 9A1,9A2	2	
2	Đào Đăng Khoa	PHT	2005		Văn	GDCD		Văn		PHT, TNH2:8A1.8A2,8A3	3	
3	Đặng Việt Đức	PHT	2006		Sử	GDCD		Sử		PHT, LS&ĐL7A4	3	
4	Lê Thị Thá	TT-TKHXH	1998		T.Anh			T.Anh		TA9A1,9A2(6T)TA6A1,6A2(6T)TT (3T)	15	2
5	Nguyễn Thị Mỹ Bình	TT-TKHTN	2000		Toán	Tin		Toán		CN7A3(4T)+ Toán 7A2,7A3(8T)TNHN1,37A3(2T)TT(3)	17	4
6	Lê Thị Hà	TP-TKHXH	2001		Văn	Sử		Văn		CN6A3(4T), Văn 6A3(4T), Sử 9A1,9A2,9A3(3T)TNHN1,3:6A3(2T)TTND(2T)	15	3
7	Lê Đức Quân	TP-TKHTN	2005		Toán	Tin		Toán		Toán9A3,8A3(8T)+TP(1T) Phụ đạo Toán 8,9(4T)	14	7
8	Nguyễn Thị Hoài Thanh	GV	1996		Toán	Tin		Toán		CN6A2(4T)+ Toán 6A2, 6A3(8T)TNHN1,2,3:6A2(3T)	15	3
9	Vũ Thị Thùy	GV	2000		Toán	Tin		Toán		CN9A2(4T)+Toán9A1, 9A2(8T)+Thư kí HĐ(2T) TNHN1,3:9A2(2)	16	6
10	Phạm Thị Nụ	GV	2007		Toán	KTCN		Toán		CN 8A1(4T)+ Toán 8A1(4T)+C.Nghệ 8A1,8A3(2T) TNHN1,3:8A1(2T) UVBCHCĐ(1T)	13	5
11	Đặng Thị Mai Hương	GV	2007		Toán	KTCN		Toán		CN7A1(4T)+Toán7A1, 7A4,(8T)HDTNHN1,2,3:7A1(3T) +UVBCHCĐ(1T)	16	3
12	Lê Thuỳ Hương	GV	2005		Toán	Tin		Toán		CN6A1(4T)+Toán 6A1,8A2(8T)TNHN1,3 6A1(2T)	14	5
13	Lê Hồng Lượng	GV	2006		KTNN			CN		C.Nghệ 6(3T) C.Nghệ K7(4T) C.Nghệ 9(3T)TNHN2 6A1(1T)TNHN2: 6A3,9A2(2T)	14	3
14	Lê Thị Hồng Len	GV			Lý	KHTN		Lý		KHTN(Lý 9:12T) KHTN 8A1(Lý:1T)THHN2:7A3(1T)	15	7

	Họ và tên	Chức vụ	Năm vào ngành		Chuyên môn đào tạo					Nhiệm vụ được phân công	Tổng số tiết/ tuần	Ghi chú (ngày nghỉ)
			Biên chế	Hợp đồng	CM theo bằng đào tạo chuẩn (CĐ)			CM theo bằng đào tạo trên chuẩn (ĐH)				
					CM 1	CM 2	CM 3	CM 1	CM 2			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	Phạm Thị Dịu	GV	2017		Hóa	KHTN		Hóa		CN 8A3(4T) KHTN8A2,8A3(Hóa :4T) KHTN 6A2(4T)HĐTN,HN1,3: 8A3(2T)	14	5
16	Lê Thị Thanh Nga	GV	2005		MT			MT		MT K678,9(13T)GDĐP 6A1,6A2(2T)	15	2
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	GV	2014		Hóa			Hóa		KHTN 7A1,7A2,7A3(12T)KHTN8A1(Hoá:4)	14	3
18	Lê Thị Huyền Trang	GV	2009		Tin			Tin		Tin 6789 (13T) Phụ trách CNTT(3T)	15	7
19	Nguyễn Thị Oanh	GV	2005		ÂN			ÂN		ÂN K6,7,8,9 (13T) GDĐP 6A3(1T)	14	3
20	Đặng Ngọc Hân	GVHD		2016	Sinh	Hóa		Sinh		KHTN 8(Sinh : 3T)KHTN9 (Sinh : 4T)KHTN6A3,7A4(8T) HĐTNHN2:7A2,(1T)	13	7
21	Nguyễn Thị Hiền	GV	1997		Văn			Văn		Văn 7A1; 7A3(8T) GDCD6(3T)GDĐP7(4T)	15	2
22	Nguyễn Thị Mai	GV	1998		T.Anh			T.Anh		T.A K7(12T),TA9A3(3T)	15	7
23	Nguyễn Thị Lan	GV	1998		T.Anh			T.Anh		T.A 8(9T),TA6A3(3T)Phụ đạo Hs yếu T.Anh 6 (3T)	15	2
24	Nguyễn Thị Luyến	GV	2003		Văn	CD		Văn		Văn 8A3(4T) GDCDK7,8,9(10T) DGĐP 8A3(1T)	15	4
25	Tạ Thị Bích	GV	1998	1997	Văn			Văn		CN.7A4(4T), V7A4,V6A2(8T),HĐTN1,2,3:7A4(3T)	15	4
26	Đỗ Thị Nhung	GV	2002	2000	Văn	CTĐ		Văn		CN.9A3(4T)Văn ,9A3(8T) HĐTNHN1,2,39A3(3T)GDĐP9A2,9A3(2T)	17	3
27	Bùi Nguyên Cẩn	GV	2006	1998	Văn	Sử		Văn		TPT đội (10T)Văn8A1,(4T)LSĐL7A3(3T)UVBCHCĐ(1T)	16	6
28	Trần Thị Hằng	GV	2021		Sử			Lịch sử		LS&ĐL6(9T)LSĐL7A1,7A2(6T)GDĐP8A2(1T)	16	7
29	Nguyễn Văn Hoàn	GV	2006		TD			TD		GDTC K8,9 (12T) GDĐP: 8A1(1T)+ Hỗ trợ CTĐ(3T)	16	7
30	Nguyễn Thị Huyền	GV	2010		TD			TD		GDTC K6,7 (14) Hỗ trợ CTĐ(2T)	16	7
31	Lê Thị Phương	GV	2006		Sử	Địa		Sử		LS&ĐL8(9T)LS&ĐL 9(Địa :6T)GDĐP9A1(1T)	16	2
32	Lê Thị Thu Thảo	GVHD		2002	Văn	GDCD		Văn		CN.9A1(4T), Văn 9A1,(4T), Văn 8A2(4T)TNHN1,2,3:9A1(3T)	15	4
33	Bạch Thị Mai	GVHD		2013	Văn					CN.7A2(4T), Văn6A1,7A2 (8T)TNHN1,3:7A2(2T)	14	6
34	Lê Thị Dung	GV		2020	Lý	CN		Lý		CN 8A2(4T) KHTN 6A1(4T)KHTN8A28A3(Lý:2T) C,Nghệ 8A2(1T); TNHN1,3: 8A2(2T)	13	3

	Họ và tên	Chức vụ	Năm vào ngành		Chuyên môn đào tạo					Nhiệm vụ được phân công	Tổng số tiết/ tuần	Ghi chú (ngày nghỉ)
			Biên chế	Hợp đồng	CM theo bằng đào tạo chuẩn (CĐ)			CM theo bằng đào tạo trên chuẩn (ĐH)				
					CM 1	CM 2	CM 3	CM 1	CM 2			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
35	Nguyễn Diệu Hương	NVTB								Phụ trách TBDH		
36	Phạm Thị Hào	KT	2008		Kế toán			ĐH Kế toán		Kế toán		
37	Phùng Thị Hồng	Ytê	2008		Điều dưỡng					Y tế , phụ trách công tác vệ sinh		
38	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thủ quỹ		2008	CĐKT			ĐHXH		Thủ Quỹ		
39	Nguyễn Thị Kim Dung	VT	2005					Kế toán		Văn Thư		
40	Lê Phương Thảo	P.vụ	2007					Kế toán		Phục vụ		
41	Nguyễn Thị Hào	TV	2009		Kế toán					Thư viện		
42	Nguyễn Văn Hào	BV		2015	TC Vệ Sĩ					Bảo vệ		
43	Phạm Huy Hoàng	BV		2014	TC TL					Bảo vệ		
44	Lê Thị Thanh Huế	BV		2015	TC Vệ Sĩ					Bảo vệ		
45	Lê Văn Bảo	BV		2009	CC Bảo an					Bảo vệ		
46	Nguyễn Thị Hiền	BV		2015	Kế toán					Bảo vệ		

Người lập

Đặng Việt Đức

Đại Nghĩa, ngày 25 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Công Tuấn

